

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VẬN DỤNG SÁNG TẠO QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT (1930-1951)

PGS, TS HỒ TÓ LƯƠNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa Mác-Lênin đề cao các giá trị dân tộc, trong đó có vấn đề quyền dân tộc tự quyết. Ra đời trong bối cảnh ba dân tộc Việt Nam, Lào và Campuchia có lịch sử, văn hóa riêng bị sáp nhập vào một liên bang và là thuộc địa của Pháp, Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam có tên gọi khác nhau: Đảng Cộng sản Việt Nam từ đầu năm 1930; đến tháng 10-1930, Đảng đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương; sau đó là Đảng Lao động Việt Nam; từ tháng 2-1951, lấy tên Đảng Cộng sản Việt Nam) đã vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề quyền dân tộc tự quyết, đưa đến kết quả cách mạng ba nước Đông Dương giành được những thắng lợi vĩ đại trong đấu tranh giành độc lập dân tộc và ngày càng phát triển độc lập trong tình đoàn kết không ngừng được củng cố.

Từ khóa: Quan điểm của V.I.Lênin; Đảng Cộng sản Việt Nam; vấn đề quyền dân tộc tự quyết

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập. Đó là kết quả không chỉ của việc vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng giải phóng dân tộc, mà còn là kết quả của việc giải quyết và thực hiện đúng đắn vấn đề quyền dân tộc tự quyết theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Quan điểm của V.I.Lênin về vấn đề quyền dân tộc tự quyết

Cuối thế kỷ XIX, sự phân chia thế giới đã hoàn thành, nhưng những nhà tư bản độc quyền không từ bỏ tham vọng xâm chiếm những lãnh

thổ mới. Vì vậy, các nước đế quốc gây chiến tranh, phân chia lại thế giới, tranh giành thuộc địa của nhau. Chủ nghĩa đế quốc mâu thuẫn với nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Cũng như các đế quốc khác, Nga hoàng gây chiến tranh, xâm chiếm thuộc địa. Nước Nga có nhiều dân tộc, nhưng các dân tộc không có quyền bình đẳng. Bởi chế độ quân chủ Nga hoàng “là một chế độ nhà nước phản động nhất và dã man nhất”¹ so với các nước láng giềng châu Âu và châu Á. V.I.Lênin đã gọi: “Nước Nga Nga hoàng, một “nhà tù” thật sự “của các dân tộc”². Vì vậy, từ trước Chiến tranh thế giới I, V.I.Lênin đã đặc biệt chú ý đến vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, trong đó có vấn đề quyền dân tộc tự quyết.

Vấn đề quyền dân tộc tự quyết được V.I.Lênin xem xét ở hai góc độ. *Thứ nhất*, quyền dân tộc tự quyết là quyền phân lập về mặt nhà nước của các dân tộc. Điều đó được khẳng định trong *Đề cương về vấn đề dân tộc* (1913): “Quyền dân tộc tự quyết là quyền tự quyết về chính trị, nghĩa là quyền tách ra và thành lập một quốc gia độc lập”³ hoặc “được tự do lựa chọn một quốc gia mà họ thích sống trong đó”⁴. *Thứ hai*, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải đáp ứng lợi ích chung: “không được lẫn lộn vấn đề quyền dân tộc tự quyết (nghĩa là hiến pháp nhà nước đảm bảo một phương thức giải quyết hoàn toàn tự do và dân chủ vấn đề phân lập) với vấn đề xem xét một dân tộc nào đó có nên tách ra không. Trong mỗi trường hợp riêng biệt vấn đề thứ hai này phải được đảng dân chủ-xã hội giải quyết một cách hoàn toàn độc lập, căn cứ vào lợi ích của toàn bộ sự phát triển xã hội và lợi ích của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản vì chủ nghĩa xã hội”⁵ và giải quyết vấn đề tự quyết về chính trị của các dân tộc phải “bằng những biện pháp hoàn toàn tự do và dân chủ”⁶.

Tháng 10-1917, V.I.Lênin viết tác phẩm *Những nhiệm vụ của cách mạng*, một trong những nhiệm vụ đó là đấu tranh vì hoà bình cho các dân tộc. Để lập lại một nền hoà bình xây dựng trên cơ sở dân chủ thì ngoài từ bỏ mọi hành động xâm lược, còn phải “tất cả các dân tộc, không trừ một dân tộc nào, ở châu Âu cũng như ở các nước thuộc địa, đều được tự do và có khả năng tự mình quyết định xem nên thành lập quốc gia độc lập hoặc sáp nhập vào bất cứ một quốc gia nào khác”⁷.

Sau khi Cách mạng Tháng Mười thắng lợi, ngày 26-10-1917, Nhà nước Nga Xô viết công bố *Sắc lệnh về hoà bình*, vạch cho toàn thể nhân loại con đường thoát khỏi chiến tranh đế quốc: “Chính phủ công nông... đề nghị với nhân dân

tất cả các nước tham chiến và với các chính phủ của họ tiến hành ngay những cuộc đàm phán về một hoà ước dân chủ và công bằng... đó là một hoà ước phải được ký kết ngay lập tức mà không có thôn tính (nghĩa là không xâm chiếm đất đai của nước ngoài, không có cưỡng ép sáp nhập các dân tộc khác) và không có bồi thường”⁸. Trong *Sắc lệnh về hòa bình*, V.I.Lênin phân tích và xác định một quan niệm mới về việc đi chiếm cướp đất đai của nước khác: “Chính phủ coi mọi cuộc sáp nhập một dân tộc nhỏ hay yếu vào một nước lớn hay mạnh là thôn tính hay xâm chiếm đất đai của nước ngoài, nếu không được dân tộc ấy biểu thị sự tự nguyện đồng ý và mong muốn một cách hết sức rõ ràng”⁹. Ngoài ra, việc đế quốc thực dân duy trì nền thống trị của chúng ở các nước thuộc địa được coi như những hành động xâm lược: “Nếu một dân tộc bị cưỡng ép sáp nhập vào địa giới của một nước nào đó, nếu mặc dầu dân tộc ấy đã biểu thị nguyện vọng của nó... mà người ta vẫn không để cho dân tộc ấy có quyền định đoạt bằng đầu phiếu tự do, không hề bị cưỡng bức chút nào, vấn đề các hình thức chính trị của sự sinh tồn quốc gia của họ, sau khi quân đội của dân tộc xâm lăng hay, nói chung, của một dân tộc hùng mạnh hơn, đã hoàn toàn rút lui, thì việc sáp nhập dân tộc ấy vào nước nói đó là một cuộc thôn tính, nghĩa là một cuộc xâm chiếm và là một hành vi bạo lực”¹⁰.

Nhà nước Xô viết thực hiện nguyên tắc chung sống hòa bình giữa các nước không phân biệt chế độ chính trị-xã hội, quyền bình đẳng giữa các dân tộc lớn cũng như nhỏ, quyền dân tộc tự quyết và độc lập phát triển của các dân tộc bị áp bức ở phương Đông cũng như ở phương Tây.

Đại hội II toàn Nga các Xô viết đại biểu công nhân và binh sĩ, họp ngày 25 và 26-10-1917, đã thông qua Lời kêu gọi “Gửi công nhân, binh sĩ và nông dân” tuyên bố: “Sẽ bảo đảm cho tất cả các

dân tộc sống trên lãnh thổ nước Nga quyền thật sự được tự quyết¹¹.

Những nguyên tắc chỉ đạo hoạt động của Nhà nước Xô viết trong vấn đề dân tộc được khẳng định trong *Tuyên ngôn về quyền lợi của nhân dân lao động và bị bóc lột*, do V.I. Lênin soạn thảo, ngày 3-1-1918: “Vội lòng mong muốn thành lập một liên minh thật sự tự do và tự nguyện, - và do đó liên minh càng được chặt chẽ và lâu bền hơn giữa các giai cấp lao động của tất cả các dân tộc trong nước Nga, Quốc hội lập hiến hạn định nhiệm vụ của mình là quy định những nguyên tắc cơ bản của Liên bang Cộng hoà Xô viết Nga, còn thì để cho công nhân và nông dân mỗi dân tộc được quyền tự do quyết định một cách hoàn toàn độc lập trong đại hội có đầy đủ thẩm quyền của các Xô viết của chính họ về việc họ muốn hay không muốn tham gia vào Chính phủ Liên bang”¹².

Trong vô vàn khó khăn, thử thách khốc liệt và vòng vây của đế quốc, Liên bang Cộng hòa XHCN Xô viết ra đời ngày 30-12-1922 trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản về quyền tự quyết của các dân tộc. Từ chỗ là “nhà tù của các dân tộc”, nước Nga sau cách mạng trở thành Liên bang bình đẳng của các dân tộc tự do.

2. Quá trình vận dụng sáng tạo của Đảng về vấn đề quyền dân tộc tự quyết

Sau khi thôn tính Việt Nam, để dễ bề cai trị, thực dân Pháp chia Việt Nam ra làm ba kỳ. Năm 1897, thực dân Pháp ra *Sắc lệnh* thành lập Liên bang Đông Dương bao gồm Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và Campuchia; năm 1899, nhập thêm Lào. Liên bang Đông Dương do Toàn quyền Đông Dương người Pháp cai trị. Tên nước Việt Nam cũng như Lào và Campuchia bị xoá trên bản đồ chính trị thế giới.

Trong bối cảnh ba dân tộc Việt Nam, Lào và Campuchia có lịch sử, văn hoá riêng bị sáp nhập

vào một liên bang và là thuộc địa của Pháp, Đảng đã vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề quyền dân tộc tự quyết. Điều đó được thể hiện ngay trong Hội nghị thành lập Đảng năm 1930. Hội nghị thông qua *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng* do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều đó thể hiện sự thấm nhuần tư tưởng mácxít-lêninít và hoàn toàn phù hợp với lý luận Mác-Lênin về xây dựng Đảng ở các nước và thực tế cách mạng ba nước Đông Dương lúc bấy giờ. Giai cấp công nhân và đội tiền phong của nó mang bản chất quốc tế trong sáng, song trước hết nó phải mang tính dân tộc-giai cấp và đảng cộng sản phải được xây dựng trong một quốc gia cụ thể. Đảng phải ủng hộ quyền lợi chính đáng của các dân tộc trên thế giới, nhưng trước hết phải chịu trách nhiệm với giai cấp và dân tộc của mình. Nguyễn Ái Quốc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và giải quyết mối quan hệ giữa ba dân tộc Đông Dương trong khuôn khổ mỗi nước riêng biệt là phù hợp với lý luận và thực tiễn cách mạng, thể hiện quan điểm đúng đắn khi vận dụng tính quốc tế và tính dân tộc trong xây dựng đảng. Đúng như Nguyễn Ái Quốc đã giải thích về vấn đề đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam cho các đại biểu dự Hội nghị hợp nhất: “Cái từ Đông Dương rất rộng, và theo nguyên lý của chủ nghĩa Lênin, vấn đề dân tộc là một vấn đề rất nghiêm túc, người ta không thể bắt các dân tộc khác gia nhập đảng, làm như thế là trái với nguyên lý chủ nghĩa Lênin. Còn cái từ An Nam thì hẹp, vì An Nam chỉ là miền Trung của nước Việt Nam mà thôi, và nước ta có ba miền: Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Do đó, từ Việt Nam là hợp với cả ba miền và không trái với chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc”¹³. Tinh thần leninít này hoàn toàn thống nhất với tinh thần *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: “Giai cấp

vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”¹⁴... và “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã”¹⁵.

Tuy nhiên, sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, cùng với việc khẳng định ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng, Quốc tế Cộng sản dựa trên cơ sở ba nước Đông Dương ở cùng một vị trí địa lý, có điều kiện chính trị, kinh tế như nhau, cùng là thuộc địa của Pháp, nên đã chủ trương thành lập một đảng cộng sản duy nhất ở Đông Dương. Mặt khác, lúc bấy giờ trước sự phản kích mạnh mẽ của chủ nghĩa đế quốc và nguy cơ xuất hiện chủ nghĩa phát xít, thì sự liên hiệp của các đảng cộng sản để thống nhất tư tưởng và hành động là điều cần thiết. Bên cạnh đó, có thể do quan điểm của một số nhà lãnh đạo về vấn đề quyền dân tộc và vấn đề đấu tranh giai cấp ở tầm vĩ mô có phần nào cực đoan. Vì vậy, Quốc tế Cộng sản đã “gửi cho Việt Nam một bức thư với nội dung gồm hàng loạt vấn đề bổ sung liên quan đến đường lối và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Trong bức thư đó cũng đặt vấn đề đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương”¹⁶. Điều đó chứng tỏ rằng Quốc tế Cộng sản chưa thấy hết đặc điểm lịch sử, chính trị của mỗi quốc gia-dân tộc và đã áp đặt không phù hợp với điều kiện thực tế ở Đông Dương lúc bấy giờ. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 10-1930, chấp hành chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Cần phải khẳng định rằng dù tên Đảng thay đổi theo từng thời kỳ, nhưng trong suốt tiến trình cách mạng,

Đảng Cộng sản Việt Nam đã xây dựng khối đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc ở Đông Dương và luôn luôn giúp đỡ cách mạng Lào và Campuchia với một tinh thần quốc tế trong sáng.

Trải qua các phong trào cách mạng, tháng 11-1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu: “Bước sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp,... để giành lấy giải phóng độc lập”¹⁷. Đồng thời, Hội nghị đề cập đến vấn đề quyền dân tộc tự quyết: “Vấn đề dân tộc ở Đông Dương phải xét theo hai mặt: một mặt là các dân tộc Đông Dương đoàn kết thống nhất đánh đổ đế quốc Pháp đòi Đông Dương hoàn toàn độc lập và các dân tộc được quyền tự quyết”¹⁸. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương liên hiệp các dân tộc Đông Dương, các giai cấp để tranh đấu “thực hiện nền độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương với quyền dân tộc tự quyết”¹⁹ và trong tình đoàn kết chiến đấu: “Sự liên hiệp các dân tộc Đông Dương không nhất thiết bắt buộc các dân tộc phải thành lập một quốc gia duy nhất vì các dân tộc như Việt Nam, Miên, Lào xưa nay vẫn có sự độc lập. Mỗi dân tộc có quyền giải quyết vận mệnh theo ý muốn của mình, song sự tự quyết cũng không nhất định nghĩa là rời hẳn nhau ra”²⁰.

Sau khi trở về nước, tháng 5-1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Cùng với đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc”²¹, Hội nghị đã nhấn mạnh vấn đề quyền dân tộc tự quyết “sự tự do độc lập của mỗi dân tộc tùy theo ý muốn của mỗi dân tộc”²². Hội nghị chủ trương: “Sau lúc đánh đuổi Pháp-Nhật, ta phải thi hành đúng

chính sách “dân tộc tự quyết” cho dân tộc Đông Dương”²³ với tinh thần các dân tộc sống trên cõi Đông Dương sẽ tùy theo ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hoà dân chủ hay đứng riêng thành một dân tộc quốc gia tùy ý. Một chính phủ cộng hoà mạnh hơn không có quyền bắt các dân tộc nhỏ yếu tuân theo chính sách mình và tham gia chính phủ mình và các dân tộc thiểu số cũng không phải bắt buộc theo các dân tộc đa số và mạnh. Văn hoá, tiếng mẹ đẻ của mỗi dân tộc sẽ được tự do phát triển, tồn tại và được bảo đảm. Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng. Nếu các dân tộc nhỏ muốn cùng các dân tộc lớn thành lập liên bang dân chủ to lớn, đó không phải là một sự bắt buộc mà là một sự tùy ý muốn của nhân dân trong xứ. Nghị quyết khẳng định: Riêng dân tộc Việt Nam là một dân tộc đông và mạnh hơn hết ở Đông Dương, sau lúc đánh đuổi Pháp-Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ. Đối với các dân tộc Miên, Lào và các dân tộc thiểu số ở Đông Dương, dân tộc Việt Nam có nghĩa vụ phải dìu dắt giúp đỡ trong bước đường tranh đấu tự do độc lập. Có như vậy Đảng mới làm tròn hai nhiệm vụ là giải phóng dân tộc và thực hiện quyền dân tộc tự quyết, mới hợp với nguyện vọng của toàn thể nhân dân, các giai cấp, các dân tộc Đông Dương và hợp với cuộc đấu tranh chung của toàn thế giới chống phát xít và xâm lược và cách mạng Đông Dương mới thành công chắc chắn được. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh. Chương trình của Mặt trận Việt Minh khẳng định: “Thừa nhận quyền dân tộc tự quyết đối với các dân tộc thiểu số ở Đông Dương”²⁴.

Như vậy, cùng với việc hoàn chỉnh lý luận cách mạng giải phóng dân tộc, Hội nghị đã khẳng định việc thực hiện triệt để vấn đề quyền dân tộc tự quyết sau khi cách mạng giành được chính quyền.

Cách mạng Tháng Tám thành công (1945), nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập, tách khỏi Liên bang Đông Dương. Vấn đề quyền dân tộc tự quyết về mặt nhà nước được Đảng giải quyết một cách đúng đắn.

Sau Cách mạng Tháng Tám, chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam ra đời. Việt Nam đã có nền chính trị, kinh tế, văn hoá, dân chủ mới trong khi Campuchia và Lào mới có chính quyền phản đế ở các vùng căn cứ địa du kích. Về tính chất và cương lĩnh, cách mạng Việt Nam khác cách mạng Campuchia và Lào, tuy cách mạng Việt Nam cũng có mục đích đánh đổ đế quốc và tay sai như hai nước đó. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là hoàn thành giải phóng dân tộc, củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến tới CNXH, khác với nhiệm vụ cách mạng Campuchia và Lào là giải phóng dân tộc, lập chính quyền phản đế tiến tới chế độ dân chủ nhân dân. Vì vậy, mỗi nước cần có một chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân riêng, với cương lĩnh cách mạng riêng. Trước tình hình đó, tháng 6-1950, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp. Xem xét tình hình khách quan và chủ quan, tình hình trong nước và ngoài nước, Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu lên hai vấn đề: *Một là*, Đảng Cộng sản Đông Dương cần chia làm ba đảng của ba quốc gia Việt, Miên, Lào. Việt Nam cũng như Cao Miên, Ai Lao, mỗi quốc gia cần có một đảng cách mạng riêng của giai cấp công nhân để phát triển tính tích cực. Tuy tách thành ba đảng riêng, nhưng Việt Nam “hết sức giúp đỡ Ai Lao, Cao Miên kháng chiến đến cùng, để giành độc lập thống nhất thực sự”²⁵; *Hai là*, chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam cần lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Ra hoạt động công khai, nếu Đảng vẫn giữ tên là Đảng Cộng sản Đông Dương thì sẽ có hại cho việc giúp đỡ của Việt Nam đối với cách mạng Miên, Lào. Vì những phân tử yêu nước có

khuyến hướng quốc gia ở Cao Miên, Ai Lao sẽ đề đặt đối với sự giúp đỡ đó. Họ có thể nghi ngờ là Việt Nam muốn thôn tính Cao Miên, Ai Lao. Đế quốc và tay sai sẽ lợi dụng tuyên truyền ly gián dân tộc Việt Nam với các dân tộc Miên, Lào, làm cho nhân dân Miên, Lào hoang mang, e ngại. Do đó, sẽ có tác động không thuận chiều đến tình đoàn kết chiến đấu giữa ba quốc gia-dân tộc.

Vì điều kiện mới của Đông Dương, thế giới và với tinh thần của Cách mạng Tháng Tám về vấn đề quyền dân tộc tự quyết, Đại hội II của Đảng, họp tháng 2-1951, đã thông qua Nghị quyết Đảng Cộng sản Đông Dương tách thành ba Đảng: “Ở Việt Nam sẽ xây dựng Đảng Lao động Việt Nam có Chính cương, Điều lệ thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Ở Cao Miên và Ai Lao sẽ thành lập những tổ chức cách mạng thích hợp với hoàn cảnh hai nước đó”²⁶ và “Đại hội Đảng quyết nghị giúp đỡ những người cách mạng tiên tiến Miên, Lào thành lập ở mỗi nước một chính đảng nhân dân cách mạng gồm những người ái quốc và dân chủ, trung thành, hăng hái và có ý thức nhất trong hàng ngũ kháng chiến Miên, Lào”²⁷. *Tuyên ngôn và Chính cương* Đảng Lao động Việt Nam khẳng định quan hệ đối với hai dân tộc Campuchia và Lào: “Dân tộc Việt Nam đoàn kết chặt chẽ với hai dân tộc Miên, Lào và hết sức giúp đỡ hai dân tộc ấy cùng nhau kháng chiến chống đế quốc xâm lược, giải phóng cho tất cả các dân tộc Đông Dương. Nhân dân Việt Nam đứng trên lập trường lợi ích chung mà hợp tác lâu dài với hai dân tộc Miên, Lào trong kháng chiến và sau kháng chiến”²⁸.

Đảng Cộng sản Đông Dương tách thành ba chính đảng của giai cấp công nhân mỗi nước, cách mạng ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi vĩ đại trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các

nước ở Đông Dương ngày càng phát triển độc lập trong tình đoàn kết không ngừng được củng cố và phát triển. Thực tiễn cách mạng, những thành tựu về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, vấn đề dân tộc mà ba nước Đông Dương đã đạt được chứng minh sự vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin vấn đề quyền dân tộc tự quyết của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam.

1, 5. *V.I. Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1980, T. 24, tr. 77, 78

2. *Sđđ*, T. 26, tr. 396

3, 4, 6. *Sđđ*, T. 23, tr. 395, 396, 537

7. *Sđđ*, T. 34, tr. 308

8, 9, 10, 11, 12. *Sđđ*, T. 35, tr. 13-14, 14, 14-15, 11, 265-266

13. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Chủ tịch Hồ Chí Minh-Tiểu sử và sự nghiệp*, Nxb ST, H, 1980, tr. 68

14, 15. *C. Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1995, T. 4, tr. 623-624, 611

16. Quốc tế Cộng sản và phương Đông: *Cuộc đấu tranh thực hiện đường lối chiến lược và sách lược Lênin trong phong trào giải phóng dân tộc*, Nxb Sách phương Đông, Mátxcova, 1969, (tiếng Nga), tr. 432

17, 18, 19, 20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 6, tr. 536, 532, 537, 541-542

21, 22, 23, 24. *Sđđ*, T. 7, tr. 113, 113, 113, 467

25. *Sđđ*, T. 11, tr. 365

26, 27, 28. *Sđđ*, T. 12, tr. 420, 515, 441-442.